

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Mới
2. Ông Trần Đức Tụ

-Thư ký phiên toà: Ông Vũ Việt Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2017 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn 2, xã C M, huyện V B, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1987

Trú tại: Thôn B N, xã T D, huyện V B, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Q trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Thanh T ngày 06/5/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T D, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống; không hợp nhau về tính cách. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Phạm Trọng Kh, sinh ngày 04/11/2015. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Thanh T xác nhận chị Q trình bày về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 02 năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị Q xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Phạm Thanh T xác nhận chị Q trình bày về con là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý để cho chị Q nuôi con chung nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Các đương sự đã chấp hành nghiêm yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Q và anh Phạm Thanh T. Chấp nhận thỏa thuận của hai bên chị Q được nuôi dưỡng con chung Phạm Trọng Kh. Xử buộc anh Phạm Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000đ. Tài sản chung không có gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Anh Phạm Thanh T có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn B N, xã T D, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con giữa chị Phạm Thị Q và anh Phạm Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo. Trong quá trình tố tụng các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ vợ chồng: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Q anh Phạm Thanh T phát sinh từ ngày 06/5/2014, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, các đoàn thể ở địa phương hòa giải nhưng vợ chồng không trở về đoàn tụ. Nay hai bên xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại địa phương thấy vợ chồng có mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó có căn cứ để công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Q và anh Phạm Thanh T theo Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Trọng Kh, sinh ngày 04/11/2015. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận chị Q nuôi dưỡng con chung. Tòa xét thỏa thuận của hai bên là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chị Q yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ, anh T không đồng ý cấp dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con” do vậy cần buộc anh Phạm Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về mức cấp dưỡng: Anh T hiện là lao động tự do, thu nhập thấp, chị Q yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là cao, nên có thể buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng khoảng 650.000đ là phù hợp.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Q phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về ly hôn là 300.000 đồng. Anh Phạm Thanh T phải chịu án phí về cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình,

Căn cứ Điều 147, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Q và anh Phạm Thanh T.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận của hai bên: Chị Q được nuôi dưỡng con chung Phạm Trọng Kh sinh ngày 04/11/2015 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về Cấp dưỡng nuôi con: Xử buộc anh Phạm Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2017 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom chăm sóc con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Chị Phạm Thị Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại Biên lai thu số 5334 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Chị Q đã nộp đủ án phí. Anh Phạm Thanh T phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND H Vĩnh Bảo;
- THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Trần Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Vinh